|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Số: /TTr-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Hà Nội, ngày tháng năm 2022 |

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Chương trình công tác của Chính phủ năm 2021, Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 (sau đây gọi là “Luật TC&QCKT”) là văn bản pháp luật quan trọng, điều chỉnh các quan hệ liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Luật được xây dựng và ban hành trong bối cảnh Việt Nam đàm phán, gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), yêu cầu Việt Nam phải hoàn thiện khung pháp lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tăng cường tính minh bạch trong xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, loại bỏ rào cản kỹ thuật thương mại không cần thiết, thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại toàn cầu. Qua 15 năm triển khai thực hiện, Luật TC&QCKT đã tạo chuyển biến tích cực đối với hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đáp ứng với quy định của Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và thông lệ quốc tế, góp phần thúc đẩy nâng cao năng suất chất lượng, năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam và thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa chủ lực của Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam ngày càng tham gia, hợp tác quốc tế sâu rộng về thương mại tự do theo các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP[[1]](#footnote-1) dẫn đến việc thực thi các các Hiệp định này cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh và khẩu hàng hóa, dịch vụ ngày càng đối mặt với nhiều quy định, yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các thị trường nước ngoài. Bên cạnh đó, với chủ chương của Đảng, Chính phủ khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu đối với sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; nhu cầu đổi mới sáng tạo và tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; yêu cầu đổi mới mô hình quản lý khoa học công nghệ, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia; vai trò, tầm ảnh hưởng ngày càng lớn của các hiệp hội, doanh nghiệp trong xây dựng, phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho thấy Luật TC&QCKT trải qua thực tiễn hơn 15 năm thi hành đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng thực tiễn khách quan, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm thi hành các cam kết về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, cụ thể như sau:

**1. Vướng mắc, bất cập của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật**

Sau 15 năm thi hành Luật TC&QCKT, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật TC&QCKT đã phát sinh một số bất cập, hạn chế trong thực tiễn cũng như hội nhập quốc tế nói chung và triển khai thai hành cam kết tại các FTA, đòi hỏi phải sửa đổi để phù hợp với thực tiễn và thúc đẩy sự phát triển, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cụ thể:

***1.1. Các bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật***

*1.1.1. Về hội nhập quốc tế và yêu cầu minh bạch hoá*

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trong khuôn khổ WTO, APEC, ASEAN..., thời gian qua Việt Nam đã ký kết các FTA thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP...) với các quy định, cam kết sâu hơn, mở rộng hơn trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Trong các FTA thế hệ mới đều có điều khoản quy định về minh bạch hóa liên quan đến xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp, tuy nhiên, Luật TC&QCKT (Điều 6) chỉ đưa ra các nguyên tắc chung về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hợp tác quốc tế, mặc dù một số điều khoản có quy định về quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp phải xem xét tính phù hợp với cam kết quốc tế có liên quan, nhưng các quy định này còn ở mức cơ bản, chỉ phù hợp với thời điểm năm 2007 khi Việt Nam mới gia nhập WTO; đồng thời những nội dung quy định này mang tính thụ động của Việt Nam khi hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (Điều 8), chưa thể hiện tính chủ động, tích cực của Việt Nam tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế.

Hơn nữa, Hiệp định WTO/TBT (Phụ lục 3) và các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (Điều 8.7 Hiệp định CPTPP, Điều 5.5 Hiệp định EVFTA, Điều 6.6 Hiệp định RCEP) quy định trách nhiệm của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia trong thúc đẩy hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn hóa, ưu tiên hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, loại bỏ rào cản kỹ thuật trong thương mại, tạo thuận lợi hóa thương mại, tuy nhiên, Luật TC&QCKT quy định này chung chung (khoản 2 Điều 59 ), chưa xác định rõ vị trí pháp lý của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia về việc thống nhất điều phối, phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia theo cam kết hội nhập quốc tế nêu trên. Đồng thời, với xu thế hội nhập, liên kết khu vực và quốc tế như hiện nay nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia khi tham gia thương mại toàn cầu, các nước ngày càng chú trọng tới việc phát triển.

Tương tự, hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI)[[2]](#footnote-2) được xác định là nền tảng cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại quốc tế thông qua thúc đẩy hoạt động tiêu chuẩn hoá, là tiền đề để các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia đang phát triển, tiếp cận thị trường quốc tế theo nguyên tắc hiện đại. Tuy nhiên, Luật TC&QCKT hiện nay chưa quy định về vấn đề này, do vậy, việc quy định về Hạ tầng chất lượng quốc gia là vấn đề cần thiết.

Bên cạnh đó, các FTA thế hệ mới với các cam kết mở hơn, cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sâu vào hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời, phải tuân thủ các yêu cầu cao hơn, chặt chẽ hơn về tính công khai, minh bạch liên quan đến hoạt động xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp trong quá trình thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại quốc tế, khu vực. Tuy nhiên, Luật TC&QCKT hiện nay chưa đáp ứng hoàn toàn với yêu cầu FTA thế hệ mới.

*1.1.2. Về chiến lược tiêu chuẩn hoá quốc gia*

Hiện nay, hoạt động tiêu chuẩn chưa phát huy được tính dẫn dắt, chủ đạo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội do phần lớn việc xây dựng tiêu chuẩn căn cứ theo nhu cầu thực tại. Theo kinh nghiệm quốc tế, các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế như Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO), Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC), Liên minh viễn thông quốc tế (ITU), Ủy ban Tiêu chuẩn Châu Âu CEN/CENELIC hoặc các quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc… thì việc ban hành chiến lược tiêu chuẩn hóa sẽ xác định rõ các nguyên tắc, định hướng cơ bản, thiết lập chương trình hành động tổng thể, phát triển hệ thống tiêu chuẩn trung và dài hạn trên phạm vi toàn cầu hoặc quốc gia. Do đó, Việt Nam cần xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia là nền tảng mang tính chủ đạo, định hướng phát triển lĩnh vực tiêu chuẩn, đảm bảo hoạt động tiêu chuẩn thể hiện tầm nhìn, kế hoạch tổng thể rõ ràng, xuyên suốt, hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội bền vững, tuân thủ cam kết hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển tiêu chuẩn quốc tế và các nước tiên tiến trong khu vực.

*1.1.3. Về xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn*

Hệ thống tiêu chuẩn hiện nay bao gồm: tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và tiêu chuẩn cơ sở (TCCS). Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố TCVN được giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (Điều 10 Luật TC&QCKT). Việc xây dựng TCVN hiện nay chủ yếu sử dụng ngân sách nhà nước (chiếm 95%). Tuy nhiên trong tình hình kinh tế, xã hội ngày càng phát triển, Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập mạnh mẽ với thế giới, nhu cầu thị trường áp dụng tiêu chuẩn trên nhiều lĩnh vực ngày càng đa dạng, tăng cao, trong khi đó, nguồn lực xây dựng TCVN chủ yếu tập trung vào các cơ quan, ngân sách nhà nước, nên số lượng, tính đa dạng của TCVN được công bố hàng năm chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường, tổ chức, doanh nghiệp. Kinh nghiệm của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, các quốc gia phát triển và thực tiễn của Việt Nam cho thấy, việc xây dựng tiêu chuẩn phải tôn trọng, ưu tiên nhu cầu thị trường, như vậy mới đáp ứng được yêu cầu về quản lý, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; nếu không tập trung vào thị trường, thì các tiêu chuẩn được công bố đi vào cuộc sống không cao, áp dụng sẽ không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực của nhà nước và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chính doanh nghiệp là hạt nhân của hoạt động tiêu chuẩn hoá, trực tiếp sản xuất kinh doanh, thấu hiểu nhu cầu thị trường, mong muốn của khách hàng, do đó, việc xây dựng tiêu chuẩn cần phải có sự tham gia, xây dựng đầy đủ của các bên liên quan mà trong đó đặc biệt là từ phía doanh nghiệp, phải được quy định cụ thể hơn để khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, thu hút và khai thác hiệu quả nguồn lực xã hội, đặc biệt từ phía doanh nghiệp.

*1.1.4. Về hoạt động đánh giá sự phù hợp*

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là văn bản nền tảng cho hoạt động đánh giá sự phù hợp (thử nghiệm, chứng nhận, giám định). Tuy nhiên, hiện nay, quy định về khái niệm, nguyên tắc chung, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp giữa Luật TC&QCKT và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa chưa thống nhất, gây bất cập, khó khăn cho hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp và doanh nghiệp. Ngoài ra, theo cam kết tại các FTA thế hệ mới, hiện nay một số quy định trong Luật TC&QCKT đã không còn phù hợp với thông lệ quốc tế về quy định hoạt động cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (không cần sự hiện diện pháp nhận của các tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam).

Hoạt động công nhận hiện nay tại Việt Nam dù đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, các tổ chức công nhận trong nước hoạt động tương đối độc lập, mạnh ai nấy làm, thiếu sự phối hợp, liên kết. Vì vậy, hoạt động công nhận chưa đạt hiệu quả cao, chưa phát huy hết tiềm năng trong hỗ trợ sản xuất, kinh doanh trong nước, thúc đẩy doanh nghiệp xuất khẩu trong bối cảnh mạng lưới công nhận quốc tế, khu vực Châu Á-Thái Bình Dương ngày càng phối hợp chặt chẽ, nhằm đẩy mạnh chuỗi cung ứng toàn cầu.

Các vấn đề trên gây bất cập, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đánh giá sự phù hợp. Do vậy, để quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp hiệu quả, phù hợp thông lệ chung của quốc tế, cần phải rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động đánh giá sự phù hợp.

*1.1.5. Về nguyên tắc, căn cứ, đối tượng, quy trình xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; quản lý, khai thác tiêu chuẩn quốc gia), tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia*

*Thứ nhất, về quy trình xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật*

Luật TC&QCKT điều chỉnh hoạt động xây dựng, thẩm định, công bố TCVN, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đã không còn phù hợp với thực tiễn, ví dụ: quy định trình tự, thủ tục rút gọn trong trường hợp khẩn cấp vì an toàn, thiên tai, dịch bệnh; quy định lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống QCVN; nội dung thẩm định QCVN...

Mặt khác, hoạt động xây dựng, ban hành QCĐP thời gian qua phát triển mạnh, nhưng quy định trong Luật TC&QCKT hướng dẫn QCĐP lại còn chung chung, chưa cụ thể, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn xây dựng QCĐP tại các địa phương. Vì vậy, các địa phương còn lúng túng khi tiến hành xây dựng, thẩm định, áp dụng QCĐP trong thực tế hiện nay.

*Thứ hai, về đối tượng của QCVN thuộc bí mật nhà nước*

Hiện nay, Luật TC&QCKT chưa có quy định cụ thể về việc xây dựng QCVN cho đối tượng thuộc bí mật nhà nước, tạo ra những cách hiểu, diễn giải chưa thống nhất với quy định tại Luật Dự trữ quốc gia. Theo khoản 4 Điều 14 Luật Dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính có trách nhiệm “Chủ trì, phối hợp với bộ ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia” (không giới hạn đối tượng hàng dự trữ quốc gia thuộc bí mật nhà nước).

Các quy định nêu trên đã dẫn đến vướng mắc, khó khăn khi quá trình thẩm định QCVN theo quy định tại Luật TC&QCKT phải đảm bảo thủ tục xây dựng công khai, minh bạch, lấy ý kiến các bên liên quan, trong khi các mặt hàng dự trữ quốc gia thuộc đối tượng bí mật nhà nước dùng để phục vụ cho quốc phòng, an ninh lai không thể tuân thủ quy định, thủ tục minh bạch, lấy ý kiến các bên liên quan theo Luật TC&QCKT.

*Thứ ba, về quản lý, khai thác tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài*

Khoản 1 Điều 21 Luật TC&QCKT quy định Bộ Khoa học và Công nghệ giữ quyền xuất bản, phát hành TCVN. Tuy nhiên, trên thực tế, xuất bản và phát hành chỉ là hai trong số các hoạt động liên quan đến quản lý và khai thác tiêu chuẩn, bao gồm cả tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn quốc gia. Các hoạt động quản lý và khai thác tiêu chuẩn khác có thể kể đến công tác lưu trữ, bảo quản hồ sơ tiêu chuẩn, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin về tiêu chuẩn. Luật TC&QCKT chưa có quy định về các hoạt động quản lý, khai thác khác về tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, quy định chỉ Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền xuất bản, phát hành tiêu chuẩn là quy định thiếu tính linh hoạt, chưa sát với thực tiễn, dẫn đến việc phổ biến tiêu chuẩn còn gặp khó khăn, chưa huy động được tối đa nguồn lực xã hội để nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn cũng như chưa đảm bảo đầy đủ quyền tiếp cận đối với tiêu chuẩn. Trong lĩnh vực tiêu chuẩn, hiện nay, các TCVN được các Bộ, ngành xây dựng, sử dụng ngân sách nhà nước nhưng việc xuất bản, phát hành phải thông qua Bộ Khoa học và Công nghệ dẫn đến việc phổ biến, hướng dẫn TVN còn chậm trễ, tốn chi phí.

Thực tiễn, việc chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ về tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở khiến việc tra cứu, áp dụng tiêu chuẩn đối với các đối tượng có nhu cầu như các doanh nghiệp, người dân gặp khó khăn. Để nắm được thông tin về các tiêu chuẩn cho các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo mong muốn, các doanh nghiệp, cá nhân thường phải liên hệ với cơ quan nhà nước về tiêu chuẩn để được đáp ứng nhu cầu.

Bên cạnh đó, với xu thế tăng cường hội nhập kinh tế quốc, tăng cường xuất khẩu hàng hóa là một trong những định hướng lớn phát triển kinh tế xã hội, cùng với đó nhu cầu khai thác, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, nước ngoài tăng cao dẫn đến các hành vi xâm phạm, vi phạm bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài ngày càng diễn ra tràn lan. Các FTA thế hệ mới cũng có quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài là đối tượng được bảo hộ sở hữu trí tuệ, điều này dẫn đến khả năng các tổ chức, cá nhân Việt Nam sẽ bị kiện khi sử dụng, khai thác trái phép tiêu chuẩn quốc tế, nước ngoài trong thời gian tới là rất cao. Mặt khác, trong thực tiễn các tổ chức quốc tế (ISO, IEC) cũng đã có thông báo tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục TCĐLCL) đề nghị hỗ trợ xử lý hành vi xâm phạm bản quyền về tiêu chuẩn, logo của ISO, IEC từ doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, Luật TC&QCKT chưa quy định rõ vấn đề bảo hộ quyền tác giả đối với tiêu chuẩn của các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, nước ngoài. Vì vậy, việc xử lý hành vi vi phạm gặp khó khăn.

*Thứ tư, quản lý nhà nước về tiêu chuẩn cơ sở*

Về bản chất hoạt động xây dựng tiêu chuẩn của cơ quan nhà nước thể hiện tính quyền lực, phục vụ công ích, áp dụng trên phạm vi rộng, phù hợp với việc xây dựng, áp dụng TCVN hơn. Theo quy định pháp luật về TC&QCKT, TCCS được xây dựng và chỉ áp dụng trong giới hạn phạm vi hoạt động của tổ chức công bố TCCS, nên không phù hợp với hoạt động quản lý nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tiễn quy định này đã làm phát sinh một số trường hợp lách luật khi cơ quan quản lý nhà nước xây dựng, công bố TCCS (theo quy định pháp luật chỉ được áp dụng giới hạn trong phạm vi của cơ quan nhà nước đó, nhưng thực tế lại áp dụng cho các tổ chức, cá nhân liên quan trên phạm vi toàn quốc), gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh đó, theo phản ánh từ các Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương, thực tiễn hiện nay, một số tổ chức, doanh nghiệp xây dựng TCCS mang tính chất đối phó, không đi vào thực chất của tiêu chuẩn là nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao NSCL. Mặt khác, theo quy định pháp luật về TC&QCKT, cơ chế quản lý TCCS rất mở, tổ chức, doanh nghiệp chỉ cần thông báo tiêu chuẩn áp dụng thông qua hình thức ghi số hiệu tiêu chuẩn hoặc các đặc tính cơ bản trên nhãn, bao gói sản phẩm hàng hóa, hoặc trong các tài liệu giao dịch liên quan. Vì vậy, công tác quản lý nhà nước gặp nhiều khó khăn trong việc thống kê, cập nhật thông tin, số liệu về TCCS; gây khó khăn, hạn chế trong công tác hậu kiểm chất lượng, truy xuất nguồn gốc, xử lý vi phạm về chất lượng liên quan tới TCCS, ảnh hướng tới quyền lợi người tiêu dùng.

*Thứ năm, về quy định liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia*

Các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, quốc gia đều xác định Ban kỹ thuật là trung tâm của hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, là tổ chức kỹ thuật quy tụ các chuyên gia hàng đầu trong từng lĩnh vực tiêu chuẩn cụ thể. Theo quy định, các FTA thế hệ mới yêu cầu thành viên ký kết phải cho phép các tổ chức, chuyên gia nước ngoài được trực tiếp tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, Luật TC&QCKT chưa quy định thành viên ban kỹ thuật là chuyên gia nước ngoài. Trong thực tiễn, với chính sách mở cửa thu hút đầu tư vào Việt Nam hiện nay, nhu cầu của các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI cử chuyên gia nước ngoài tham gia ban kỹ thuật TCVN là rất lớn.

Bên cạnh đó, mặc dù hiện nay hàng hóa Việt Nam đã xuất khẩu đến hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhưng Luật TC&QCKT chưa có quy định về việc tham gia Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế, trong khi thực tiễn hiện nay cho thấy việc nâng cao vai trò của Việt Nam, chủ động tham gia vào các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế ISO, IEC, Codex... là rất cần thiết, phục vụ hiệu quả cho thúc đẩy xuất khẩu, loại bỏ rào cản kỹ thuật.

*Thứ sáu, quản lý nhà nước về nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*

Bộ KH&CN với vai trò là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Bộ KH&CN đã chủ động xây dựng các chương trình quốc gia, kế hoạch, định hướng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; hướng dẫn, hỗ trợ cho các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, xây dựng mới các TC&QCKT do các bộ, ngành quản lý không bị chồng chéo, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý, phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

Tuy nhiên, trên thực tế, công tác phối hợp này còn gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định, chủ yếu xuất phát từ sự phối hợp của các cơ quan liên quan hoặc thiếu quy định pháp luật hướng dẫn cụ thể, trong đó, có sự hạn chế về nguồn lực tài chính cho hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phối hợp trong hoạt động thông báo hỏi đáp tới tổ chức quốc tế.

Nội dung chi tiết của các bất cập trong thực tiễn thi hành Luật TC&QCKT trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật TC&QCKT (được gửi kèm theo).

***1.2. Các vấn đề đặt ra trong việc thi hành các cam kết về Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật theo các điều ước quốc tế***

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, song song với thực thi Hiệp định TBT/WTO, Việt Nam đã tham gia đàm phán và ký kết nhiều FTA, đặc biệt là các Hiệp định thương mại thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP...), trong đó luôn có một Chương quy định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, tại Chương này luôn quy định về cam kết minh bạch hóa liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp, cụ thể: Điều 8.7 của Chương 8 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của Hiệp định CPTPP quy định về minh bạch hóa; Điều 5.7 của Chương 5 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của Hiệp định EVFTA quy định về minh bạch hóa; Điều 6.11 của Chương 6 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của Hiệp định RCEP quy định về minh bạch hóa. Nội dung của nghĩa vụ này yêu cầu các bên thừa nhận tầm quan trọng của tính minh bạch liên quan đến việc xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp như: tham vấn công khai, đảm bảo rằng các bên quan tâm của bên kia được phép tham gia vào các tham vấn công khai chính thức liên quan đến quá trình xây dựng, đánh giá tác động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp... Tuy nhiên, Luật TC&QCKT hiện nay chỉ đưa ra các nguyên tắc chung và phù hợp với thời điểm năm 2007 khi Việt Nam mới gia nhập WTO, chưa đáp ứng hoàn toàn với yêu cầu hội nhập quốc tế khi chúng ta đã ký kết, tham gia các FTA thế hệ mới, với các cam kết mở hơn, sâu hơn, cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sâu vào hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời, phải tuân thủ các yêu cầu cao hơn về minh bạch hóa.

Do vậy, việc xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật là rất cần thiết.

**2. Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và thực hiện Nghị quyết của Chính phủ**

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đưa ra tầm nhìn và định hướng phát triển đất nước, trong đó, có một số vấn đề nổi bật sau:

- Về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030:

+ Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

+ Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.

- Về hợp tác quốc tế: nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam. Cụ thể của các nội dung trên được nêu tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 với những nội dung như: Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; nâng cao mức độ và chất lượng hội nhập quốc tế để mở rộng thị trường, tranh thủ nguồn vốn, công nghệ, kiến thức và kỹ năng quản lý; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và sản phẩm; thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp trong nước, xác lập vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu; đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thu hẹp khoảng cách phát triển so với các nước phát triển hơn trong khu vực và thế giới.

Bên cạnh đó, các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ cũng đưa ra những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như:

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ, vận hành thông suốt các thị trường, trong đó ”... xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường phù hợp với yêu cầu trong nước và cam kết quốc tế, bảo vệ hợp lý thị trường trong nước, không để bị nước ngoài thâu tóm, thao túng …”.

- Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 25/4/2017 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng đề ra nhiệm vụ “Rà soát bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật để bảo đảm sự tương thích giữa quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đặc biệt về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá phù hợp...”.

- Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 đã xác định nhiệm vụ “Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công bố hợp chuẩn, công bố quy trình đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo hướng nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp về chất lượng sản phẩm; tăng cường công tác hậu kiểm”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đã xác định rõ “Ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia làm nền tảng cho việc ứng dụng và phát triển các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất và đời sống”.

- Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, trong đó Chính phủ giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ “Chủ trì nghiên cứu đề xuất sửa đổi các luật quản lý chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa để đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và cam kết tại các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới” và tại Phụ lục của Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP đã chỉ rõ trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ cần phải sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật để thi hành các cam kết quốc tế, khu vực về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, tham gia như Hiệp định WTO, CPTPP, EVFTA, APEC, ASEAN... nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thông qua việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định chưa hoàn chỉnh, chồng chéo, các khoảng trống pháp lý đang tồn tại trong thực tiễn triển khai 15 năm thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, trước yêu cầu mới của thực tiễn, hội nhập quốc tế và nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập đặt ra trong quá trình thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, cần thiết phải xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên cơ sở phát huy ưu điểm và khắc phục các hạn chế của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

**1. Mục đích**

Việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, phát triển hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam tiếp cận trình độ quốc tế, khu vực; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

**2. Quan điểm**

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện thể chế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm sự tương thích giữa quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam với các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, đặc biệt là các quy định liên quan đến minh bạch hóa, giảm thiểu các rào cản kỹ thuật trong thương mại, thuận lợi hóa thương mại.

- Bảo đảm hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

- Khắc phục các chồng chéo, xung đột pháp luật, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, toàn diện của hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, bổ sung các quy định mới nhằm tạo môi trường pháp lý đầy đủ, khả thi, thuận lợi cho việc thực hiện.

- Tham khảo, chọn lọc kinh nghiệm các nước có hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoàn chỉnh, tiến bộ, hiệu quả và vận dụng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này sửa đổi, bổ sung một số quy định về hoạt động xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn; xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Phạm vi sửa đổi tập trung cụ thể vào những quy định như sau:

***1.1. Về hội nhập quốc tế, minh bạch hoá***

Sửa đổi, bổ sung Luật TC&QCKT theo hướng bảo đảm tuân thủ các quy định, cam kết trong các FTA thế hệ mới; thể hiện vai trò chủ động, tích cực của Việt Nam tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn quốc tế.

a) Nội dung liên quan đến minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

- Bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 6 quy định bảo đảm sự tham gia của các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Bổ sung Điều 8d về minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại như sau:

+ Nguyên tắc về minh bạch hóa phù hợp với các cam kết quốc tế.

+ Quy định về chính sách đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế.

+ Quy định về vị trí, vai trò của cơ quan đầu mối và mạng lưới về thi hành các nghĩa vụ của Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT) và các cam kết về TBT trong các FTA.

b) Nội dung liên quan đến hội nhập quốc tế:

- Bổ sung Khoản 15 Điều 3 về khái niệm “tiêu chuẩn hóa”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

+ Bổ sung khoản 3 quy định Nhà nước có chính sách thúc đẩy sự tham gia của Việt Nam vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia là thành viên chính thức của các ban kỹ thuật tiêu chuẩn hóa quốc tế.

+ Bổ sung khoản 4 quy định Nhà nước có cơ chế, tạo điều kiện để xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam.

c) Nội dung liên quan đến nguyên tắc cơ bản của hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

+ Sửa đổi điểm a Khoản 4 quy định xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh nghiệm thực tiễn, nhu cầu hiện tại và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội.

+ Sửa đổi điểm d khoản 4 quy định bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tiêu chuẩn và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, phù hợp quy định pháp luật vể đo lường, chất lượng, góp phần trực tiếp nâng cao hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau: sửa đổi, bổ sung khoản 2 quy định Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, đổi mới sáng tạo.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 về loại tiêu chuẩn như sau: sửa đổi, bổ sung Khoản 5 quy định “Tiêu chuẩn ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản quy định về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá và yêu cầu về định danh đơn nhất, mã hóa dữ liệu dạng ngôn ngữ máy có thể đọc, nhận dạng và thu thập dữ liệu liên quan đến các đối tượng quản lý trong chuỗi giá trị cung ứng”.

d) Nội dung liên quan đến “Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia”:

- Bổ sung khoản 14 Điều 3 về khái niệm “Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia”.

- Bổ sung Điều 8a quy định về cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia như sau:

+ Quy định vị trí, chức năng chung của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia.

+ Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia được Chính phủ quy định chi tiết.

đ) Nội dung liên quan đến Hạ tầng chất lượng quốc gia

- Bổ sung Điều 8c về Hạ tầng chất lượng quốc gia như sau:

+ Quy định về cơ chế chính sách phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

+ Quy định về phối hợp xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia.

***1.2. Về chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia***

- Bổ sung Điều 8b quy định về chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia như sau:

+ Quy định về vai trò của chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia

+ Quy định về nội dung cơ bản và giai đoạn của chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia.

+ Quy định cơ quan chủ trì xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia.

***1.3. Về xã hội hóa hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn***

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, cụ thể như sau:

+ Bổ sung khoản 4 theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, ưu tiên sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của các viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp để xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia.

+ Bổ sung khoản 5 quy định tập trung nguồn lực để xây dựng, phát triển, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia nhằm triển khai hiệu quả các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trong điểm quốc gia.

***1.4. Về hoạt động đánh giá sự phù hợp***

- Bổ sung Điều 3 các khái niệm sau:

+ Bổ sung khoản 11 quy định khái niệm về “Thử nghiệm”:

+ Bổ sung khoản 12 quy định khái niệm về “Giám định”.

- Bổ sung quy định nguyên tắc chung về hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận để thống nhất với quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, cụ thể:

+ Bổ sung Điều 43a quy định nguyên tắc chung về thử nghiệm;

+ Bổ sung Điều 43b quy định nguyên tắc chung về giám định;

+ Bổ sung Điều 43c quy định nguyên tắc chung về chứng nhận.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 50 quy định “Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài tại Việt Nam” để phù hợp với cam kết của Việt Nam khi tham gia các Hiệp định FTA thế hệ mới.

- Thay thế từ “tổ chức chứng nhận” bằng từ “tổ chức đánh giá sự phù hợp” tại: tên Mục 4 Chương IV, tên Điều 50.

- Sửa đổi Điều 51 như sau:

“Điều 51. Điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Có bộ máy tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp;

2. Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng;

3. Đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

- Bổ sung Điều 52a quy định quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- Bổ sung Điều 52b quy định nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- Bổ sung Điều 54 về Tổ chức công nhận như sau:

+ Bổ sung điểm đ quy định “đáp ứng yêu cầu và điều kiện của một trong các tổ chức công nhận khu vực hoặc quốc tế quy định về hoạt động công nhận tương ứng với lĩnh vực đã đăng ký”.

+ Bổ sung điểm e quy định “đăng ký hoạt động công nhận tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

- Bổ sung Điều 56a quy định về Hội đồng công nhận quốc gia như sau:

+ Quy định vị trí, chức năng của Hội đồng công nhận quốc gia.

+ Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng công nhận quốc gia.

***1.5. Những vấn đề khác***

a) Đảm bảo quy định rõ thẩm quyền xây dựng, ban hành QCVN, đối tượng của QCVN

- Bổ sung Điều 5 như sau: bổ sung khoản 1a quy định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật không bao gồm đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, phù hợp với các quy định trong FTA thế hệ mới.

b) Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành TCVN, QCVN

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau: bổ sung quy định về trình tự, thủ tục rút gọn: Trong trường hợp khẩn cấp vì an toàn, thiên tai, dịch bệnh, các trình tự, thủ tục nêu tại các điểm a, b, c, d, đ được xem xét rút ngắn thời gian hoặc lược bỏ.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau: sửa đổi, bổ sung khoản 2 quy định các bộ, cơ quan ngang bộ phê duyệt kế hoạch xây dựng QCVN thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 33 về thẩm định QCVN như sau: sửa đổi khoản 1 quy định: “Sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật, cam kết quốc tế về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hạ tầng chất lượng quốc gia”.

c) Tăng cường tính hiệu quả của công tác xây dựng QCĐP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

+ Bổ sung điểm c khoản 2 quy định lập hội đồng đánh giá hồ sơ QCĐP tại bộ liên quan trong trường hợp nội dung QCĐP phức tạp, liên quan nhiều lĩnh vực.

+ Bổ sung Điều 2a quy định về trình tự, thủ tục rút gọn: Trong trường hợp khẩn cấp vì an toàn, thiện tai, dịch bệnh, các trình tự, thủ tục nêu tại các điểm a, b, c, d, đ được xem xét rút ngắn thời gian hoặc lược bỏ.

d) Nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn cơ sở

- Bãi bỏ điểm b khoản khoản 3 Điều 11, không quy định cơ quan nhà nước xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau: bổ sung khoản 3a quy định tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

đ) Tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đồng thời đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với tiêu chuẩn

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 quy định Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết việc quản lý và khai thác tiêu chuẩn tiêu chuẩn quốc gia.

+ Bổ sung khoản 2 quy định bảo hộ bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài.

+ Bổ sung quy định về tra cứu, tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hệ thống cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

e) Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

+ Bổ sung khoản 1 quy định về tiểu ban kỹ thuật, nhóm công tác trong trường hợp cần thiết.

+ Bổ sung khoản 2 quy định thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm cá nhân hoặc đại diện từ các tổ chức nước ngoài.

+ Bổ sung khoản 4 quy định Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để thành viên các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế và quy định cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu cử đại diện tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế thông qua đầu mối là các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tương ứng.

g) Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Sửa đổi, bổ sung Điều 60 như sau:

+ Bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc bố trí nguồn ngân sách bảo đảm các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

+ Bổ sung quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp.

**2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Đảm bảo thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng và triển khai đầy đủ các cam kết quốc tế về yêu cầu minh bạch hoá**

***1.1. Mục tiêu của chính sách***

- Bảo đảm sự phù hợp, tương thích pháp luật của Việt Nam với các cam kết trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, là thành viên;

- Nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp.

- Phù hợp tầm nhìn, định hướng phát triển đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các Nghị quyết, Chiến lược của Chính phủ.

***1.2. Nội dung chính sách***

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật để nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời thúc đẩy, khuyến khích cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế.

- Bổ sung quy định về minh bạch hóa phù hợp với các cam kết trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, là thành viên.

- Bổ sung quy định về cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia phù hợp với các cam kết trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, là thành viên.

- Bổ sung quy định về hạ tầng chất lượng quốc gia phù hợp với thông lệ quốc tế.

***1.3. Giải pháp thực hiện***

Sửa đổi, bổ sung Luật TC&QCKT theo hướng bảo đảm tuân thủ các quy định, cam kết trong các FTA thế hệ mới; thể hiện vai trò chủ động, tích cực của Việt Nam tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn quốc tế.

a) Nội dung liên quan đến minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

- Bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 6 quy định bảo đảm sự tham gia của các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Bổ sung Điều 8d về minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại như sau:

+ Nguyên tắc về minh bạch hóa phù hợp với các cam kết quốc tế.

+ Quy định về chính sách đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế.

+ Quy định về vị trí, vai trò của cơ quan đầu mối và mạng lưới về thi hành các nghĩa vụ của Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT) và các cam kết về TBT trong các FTA.

b) Nội dung liên quan đến hội nhập quốc tế:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

+ Bổ sung khoản 3 quy định Nhà nước có chính sách thúc đẩy sự tham gia của Việt Nam vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia là thành viên chính thức của các ban kỹ thuật tiêu chuẩn hóa quốc tế.

+ Bổ sung khoản 4 quy định Nhà nước có cơ chế, tạo điều kiện để xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam.

c) Nội dung liên quan đến “Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia”:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3: bổ sung khoản 14 khái niệm “Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia”.

- Bổ sung Điều 8a quy định về cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia như sau:

+ Quy định vị trí, chức năng chung của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia.

+ Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia được Chính phủ quy định chi tiết.

d) Nội dung liên quan đến Hạ tầng chất lượng quốc gia

- Bổ sung Điều 8c về Hạ tầng chất lượng quốc gia như sau:

+ Quy định về cơ chế chính sách phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

+ Quy định về phối hợp xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia.

**2. Chính sách 2: Xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia**

***2.1. Mục tiêu của chính sách***

Giải quyết các bất cập trong công tác định hướng, kế hoạch tổng thể, xây dựng và triển khai áp dụng tiêu chuẩn của Việt Nam.

***2.2. Nội dung chính sách***

- Xây dựng các nguyên tắc, định hướng cơ bản, thiết lập chương trình hành động tổng thể, phát triển hiệu quả hệ thống tiêu chuẩn trung và dài hạn trên phạm vi toàn quốc.

- Quy định nội dung cơ bản, vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ trì xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia trong từng thời kỳ xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm định hướng phát triển công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, an toàn môi trường; thúc đẩy hợp tác, ứng dụng công nghệ mới; giảm thiểu các rào cản kỹ thuật trong thương mại; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

***2.3. Giải pháp thực hiện***

- Bổ sung Điều 8b quy định về chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia như sau:

+ Quy định về vai trò của chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia

+ Quy định về nội dung cơ bản và giai đoạn của chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia.

+ Quy định cơ quan chủ trì xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia.

**3. Chính sách 3: Thúc đẩy xã hội hóa trong hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn**

***3.1. Mục tiêu của chính sách***

Nhằm tạo sự chuyển biến cơ bản trong hoạt động xây dựng TCVN hiện nay chủ yếu sử dụng ngân sách nhà nước sang mô hình xã hội hội hóa, trong đó, doanh nghiệp là chủ thể quan trọng tham gia vào quá trình xây dựng, áp dụng TCVN phù hợp với nhu cầu áp dụng tiêu chuẩn chất lượng của tổ chức, doanh nghiệp ngày càng đa dạng, tăng cao trong bối cảnh kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, hàng hóa Việt Nam đã xuất khẩu khắp nơi trên thế giới.

***3.2. Nội dung chính sách***

Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào quá trình xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, thu hút hiệu quả các nguồn lực xã hội vào hoạt động tiêu chuẩn hóa nhằm triển khai hiệu quả các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trọng điểm quốc gia.

***3.3. Giải pháp thực hiện***

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, cụ thể như sau:

+ Bổ sung khoản 4 theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, ưu tiên sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của các viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp để xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia.

+ Bổ sung khoản 5 quy định tập trung nguồn lực để xây dựng, phát triển, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia nhằm triển khai hiệu quả các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trọng điểm quốc gia.

**4. Chính sách 4: Tăng cường tính hiệu quả của hoạt động đánh giá sự phù hợp**

***4.1. Mục tiêu của chính sách***

- Đảm bảo các quy định về hoạt động đánh giá sự phù hợp (khái niệm, nguyên tắc chung, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp, hoạt động công nhận) phù hợp, tương thích với các cam kết trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, là thành viên và đáp ứng với yêu cầu thực tiễn hiện nay.

- Nâng cao năng lực, chất lượng của các tổ chức đánh giá sự phù hợp; nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động công nhận tại Việt Nam.

***4.2. Nội dung chính sách***

- Quy định thống nhất các khái niệm, nguyên tắc hoạt động về đánh giá sự phù hợp giữa Luật TC&QCKT với Luật CLSPHH.

- Quy định phạm vi, quyền, nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của các FTA.

- Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng công nhận quốc gia trong công tác tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý hoạt động công nhận.

***4.3. Giải pháp thực hiện***

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 các khái niệm về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy đảm bảo thống nhất với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

+ Bổ sung khoản 11 quy định khái niệm về “Thử nghiệm”:

+ Bổ sung khoản 12 quy định khái niệm về “Giám định”;

+ Bổ sung khoản 13 quy định khái niệm về “Hạ tầng chất lượng quốc gia”:

+ Bổ sung khoản 14 khái niệm “Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia”;

+ Bổ sung khoản 15 khái niệm “Tiêu chuẩn hoá”.

- Bổ sung quy định nguyên tắc chung về hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận để thống nhất với quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, cụ thể:

+ Bổ sung Điều 43a quy định nguyên tắc chung về thử nghiệm;

+ Bổ sung Điều 43b quy định nguyên tắc chung về giám định;

+ Bổ sung Điều 43c quy định nguyên tắc chung về chứng nhận.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 50 quy định “Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài tại Việt Nam” để phù hợp với cam kết của Việt Nam khi tham gia các Hiệp định FTA thế hệ mới.

- Thay thế cụm từ “tổ chức chứng nhận” bằng cụm từ “tổ chức đánh giá sự phù hợp” tại: tên Mục 4 Chương IV, tên Điều 50.

- Sửa đổi Điều 51 như sau:

“Điều 51. Điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Có bộ máy tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp;

2. Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng;

3. Đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

- Bổ sung Điều 52a quy định quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- Bổ sung Điều 52b quy định nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- Bổ sung Điều 54 về Tổ chức công nhận như sau:

+ Bổ sung điểm đ quy định “đáp ứng yêu cầu và điều kiện của một trong các tổ chức công nhận khu vực hoặc quốc tế quy định về hoạt động công nhận tương ứng với lĩnh vực đã đăng ký”.

+ Bổ sung điểm e quy định “đăng ký hoạt động công nhận tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

- Bổ sung Điều 56a quy định về Hội đồng công nhận quốc gia như sau:

+ Quy định vị trí, chức năng của Hội đồng công nhận quốc gia.

+ Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng công nhận quốc gia.

**5. Chính sách 5: Quy định về đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, loại tiêu chuẩn**

***5.1. Mục tiêu của chính sách***

- Xác định rõ các đối tượng thuộc bí mật nhà nước có thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật TC&QCKT hay không

- Bổ sung thêm loại tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu phát triển và yêu cầu hội nhập.

***5.2. Nội dung chính sách***

***-*** Quy định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc danh mục bí mật nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật TC&QCKT.

- Bổ sung tiêu chuẩn về định danh.

***5.3. Giải pháp thực hiện***

- Bổ sung Điều 5 như sau: bổ sung khoản 1a quy định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật không bao gồm đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, phù hợp với các quy định trong FTA thế hệ mới.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 về loại tiêu chuẩn như sau: sửa đổi, bổ sung Khoản 5 quy định “Tiêu chuẩn ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản quy định về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá và yêu cầu về định danh đơn nhất, mã hóa dữ liệu dạng ngôn ngữ máy có thể đọc, nhận dạng và thu thập dữ liệu liên quan đến các đối tượng quản lý trong chuỗi giá trị cung ứng”.

**6. Chính sách 6: Hoàn thiện quy định về nguyên tắc, căn cứ, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành TCVN, QCVN, QCĐP**

***6.1. Mục tiêu của chính sách***

- Đảm bảo việc lập kế hoạch xây dựng TCVN, QCVN thống nhất trong hệ thống pháp luật hiện hành và tăng tính hiệu quả của công tác này.

- Hoàn thiện quy định về trình tự nguyên tắc, căn cứ, trình tự xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành, áp dụng TCVN, QCVN, QCĐP phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành.

***6.2. Nội dung chính sách***

Hoàn thiện quy định về nguyên tắc, căn cứ, trình tự xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành, áp dụng TCVN, QCVN, QCĐP như: bổ sung “đổi mới sáng tạo” vào căn cứ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thời gian lấy ý kiến dự thảo TCVN, QCVN trong trường hợp cấp thiết; thời gian công bố TCVN, ban hành QCVN; lập hội đồng đánh giá hồ sơ QCĐP…

***6.3. Giải pháp thực hiện***

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

+ Sửa đổi điểm a Khoản 4 quy định dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh nghiệm thực tiễn, nhu cầu hiện tại và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội.

+ Sửa đổi điểm d khoản 4 quy định bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tiêu chuẩn và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, phù hợp quy định pháp luật vể đo lường, chất lượng, góp phần trực tiếp nâng cao hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13, 30 như sau: sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 và khoản 3 Điều 30 quy định Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, đổi mới sáng tạo.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17, 32 như sau: bổ sung quy định về trình tự, thủ tục rút gọn “Trong trường hợp khẩn cấp vì an toàn, thiên tai, dịch bệnh, các trình tự, thủ tục nêu tại các điểm a, b, c, d, đ được xem xét rút ngắn thời gian hoặc lược bỏ”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau: sửa đổi, bổ sung khoản 2 quy định các bộ, cơ quan ngang bộ phê duyệt kế hoạch xây dựng QCVN thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống.

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 32 quy định về thành lập hội đồng tư vấn, đánh giá hồ sơ QCĐP tại các bộ trong trường hợp nội dung QCĐP phức tạp, liên quan nhiều ngành, lĩnh vực. Bổ sung nội dung đánh giá, có ý kiến tư vấn của hội đồng làm cơ sở để các bộ quản lý chuyên ngành có ý kiến chính thức với địa phương trước khi ban hành QCĐP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 33 về thẩm định QCVN như sau: sửa đổi khoản 1 quy định: “Sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật, cam kết quốc tế về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hạ tầng chất lượng quốc gia”.

**7. Chính sách 7: Nâng cao hiệu quả hoạt động xây dựng, quản lý tiêu chuẩn cơ sở**

***7.1. Mục tiêu của chính sách***

Giải quyết bất cập, khó khăn trong công tác xây dựng, công bố, quản lý TCCS nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với TCCS.

***7.2. Nội dung chính sách***

- Quy định về thẩm quyền xây dựng, công bố TCCS phù hợp với phạm vi, mục đích xây dựng, công bố TCCS.

- Quy định hoạt động thông báo TCCS tới cơ quan nhà nước để thực hiện việc theo dõi, quản lý.

***7.3. Giải pháp thực hiện***

- Bãi bỏ điểm b khoản khoản 3 Điều 11, không quy định cơ quan nhà nước xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau: bổ sung khoản 3a quy định tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

**8. Chính sách 8: Tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đồng thời đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn**

***8.1. Mục tiêu của chính sách***

- Đảm bảo các quy định về xuất bản, phát hành TCVN phù hợp với thực tiễn, việc quản lý, khai thác tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Nâng cao khả năng tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

***8.2. Nội dung chính sách***

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xuất bản, phát hành tại Điều 21 Luật TC&QCKT thành quản lý và khai thác tiêu chuẩn, bao gồm cả hoạt động xuất bản, phát hành tiêu chuẩn; đồng thời, quy định Bộ Khoa học và Công nghệ việc hướng dẫn hoạt động quản lý và khai thác tiêu chuẩn để đảm bảo hoạt động này hiệu quả, tuân thủ pháp luật và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đối với việc tra cứu, tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Tạo cơ chế tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuận lợi hơn.

- Đối với bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài: Quy định nguyên tắc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

***8.3. Giải pháp thực hiện***

- Về xuất bản, phát hành tiêu chuẩn: Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Luật TC&QCKT theo hướng cho phép Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cụ thể việc quản lý, khai thác TCVN.

- Về tra cứu, tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Sửa đổi, bổ sung Luật TC&QCKT theo hướng quy định về hệ thống cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối tổng hợp, cập nhật danh mục TCCS, TCVN, QCVN, QCĐP, các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và các tài liệu kỹ thuật khác; có chính sách hỗ trợ, phát hành miễn phí TCVN cho các nhóm đối tượng phù hợp, có nhu cầu tiếp cận.

- Về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài: Bổ sung khoản 2 Điều 21 Luật TC&QCKT quy định: *“Cơ quan đại diện của Việt Nam tham gia tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực về tiêu chuẩn thực hiện việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực theo quy định của tổ chức đó, bảo đảm tuân thủ các quy định về bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài”*.

**9. Chính sách 9: Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia**

***9.1. Mục tiêu của chính sách***

- Nâng cao số lượng, chất lượng và hiệu quả hoạt động của ban kỹ thuật TCVN nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng TCVN, phù hợp với quy định về sự tham gia của các bên liên quan trong các FTA thế hệ mới.

***9.2. Nội dung chính sách***

- Quy định rõ hơn về tổ chức, hoạt động ban kỹ thuật TCVN.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích việc tham gia vào hoạt động của ban kỹ thuật TCVN.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích việc tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

***9.3. Giải pháp thực hiện***

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

+ Bổ sung khoản 1 quy định về tiểu ban kỹ thuật, nhóm công tác trong trường hợp cần thiết.

+ Bổ sung khoản 2 quy định thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm cá nhân hoặc đại diện từ các tổ chức nước ngoài.

+ Bổ sung khoản 4 quy định Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để thành viên các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế và quy định cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu cử đại diện tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế thông qua đầu mối là các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tương ứng.

**10. Chính sách 10: Đảm bảo các quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật thống nhất với quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa**

***10.1. Mục tiêu của chính sách***

Loại bỏ các quy định chồng chéo, chưa thống nhất giữa Luật TC&QCKT và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

***10.2. Nội dung chính sách***

Thống nhất các quy định giữa Luật TC&QCKT và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa về các khái niệm trong hoạt động đánh giá sự phù hợp, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

***10.3. Giải pháp thực hiện***

- Sửa đổi Khoản 6, khoản 7 Điều 3 Luật TC&QCKT quy định:

*“6. Chứng nhận hợp chuẩn là việc đánh giá và xác nhận đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.*

*7. Chứng nhận hợp quy là việc đánh giá và xác nhận đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng”.*

- Bãi bỏ Điều 52 và thay thế bằng Điều 52a quy định về quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp và Điều 52b quy định về nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**11. Chính sách 11: Nâng cao hiệu quả của hoạt động phối hợp giữa các bộ ngành và địa phương và cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo nhân lực hoạt động trong hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật**

***11.1. Mục tiêu của chính sách***

- Nâng cao hiệu quả của hoạt động phối hợp giữa các bộ ngành và địa phương.

- Thu hút nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hoạt động tiêu chuẩn hóa.

***11.2. Nội dung chính sách***

- Bổ sung quy định về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động tiêu chuẩn hóa.

- Quy định trách nhiệm đảm bảo nguồn ngân sách cho các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Quy định trách nhiệm phối hợp của các cơ quan trong hoạt động thông báo, hỏi đáp.

***11.3. Giải pháp thực hiện***

- Sửa đổi bổ sung Điều 7 như sau: Sửa đổi bổ sung khoản 1 quy định chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thông qua các chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các trường học; hỗ trợ, thúc đẩy đào tạo, tập huấn, chứng nhận chuyên gia về tiêu chuẩn hóa.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 60 như sau:

+ Bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc bố trí nguồn ngân sách bảo đảm các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

+ Bổ sung quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

Về nguồn kinh phí dự kiến bảo đảm cho việc thi hành Luật sau khi được thông qua chủ yếu gồm: Kinh phí xây dựng văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, kinh phí bảo đảm tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (chi phí cho in ấn, thông tin đại chúng, phổ biến giáo dục pháp luật…); chi phí triển khai thi hành Luật và chi phí theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất; chi phí đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật v.v.. Ngoài ra, bên cạnh nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước còn huy động sự tham gia, đóng góp từ các đối tượng khác (các hoạt động tài trợ, các dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, v.v.).

Các chính sách nêu trên không phát sinh đáng kể chi phí cho quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do không làm thay đổi cơ chế quản lý hiện hành (kinh phí và tổ chức, nhân lực cho các hoạt động quản lý trong các lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước tương ứng). Do vậy, với điều kiện thực tế hiện nay về tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ, nguồn nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sẽ đủ nguồn lực, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua, bảo đảm tính khả thi của chính sách.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, THÔNG QUA**

Dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua vào kỳ họp tháng 10 năm 2024.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT. Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(*Xin gửi kèm theo*: (i) Đề cương Dự thảo Luật; (ii) Báo cáo đánh giá tác động dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; (iii) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ: TP, NG, CT, GTVT, XD, LĐTBXH, CA, QP, NHNN, TC, VHTTDL, NNPTNT, TTTT, YT, TNMT, GDĐT, NV (để p/h);  - Lưu: VT, TĐC, PC (3). | BỘ TRƯỞNG **Huỳnh Thành Đạt** |

1. Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). [↑](#footnote-ref-1)
2. Hạ tầng chất lượng quốc gia (National Quality Infrastructure - NQI) gồm ba trụ cột: tiêu chuẩn, đo lường, công nhận [↑](#footnote-ref-2)